

Số: 304 /BC-CTK Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG 6 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Sáu tháng đầu năm 2024, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và Thành phố đang hồi phục dù phải chịu không ít tác động do những khó khăn, nguy cơ bất ổn của kinh tế toàn cầu (xung đột vũ trang Nga - Ukraine kéo dài; xung đột leo thang dải Gaza; căng thẳng tại Biển Đỏ; an ninh vận tải, năng lượng, lương thực, thực phẩm bị đe dọa) và những thách thức từ bên trong (vốn, thị trường tiêu thụ, chính sách) tác động đến sức khỏe của Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, các tổ chức quốc tế đều lạc quan khi nhận định kinh tế kinh tế toàn cầu đang ổn định sau nhiều năm chịu những cú sốc, chủ yếu là do nền kinh tế Hoa Kỳ tiếp tục mở rộng vững chắc, lạm phát ở các nền kinh tế lớn đã giảm mà không làm tăng tỷ lệ thất nghiệp và suy thoái.

Theo báo cáo “Triển vọng phát triển Châu Á” của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á dự báo đạt 4,6% trong năm 2024 do nhu cầu nội địa tăng mạnh mẽ và du lịch tiếp tục phục hồi. Tăng trưởng của Việt Nam và Phi-li-pin năm 2024 được dự báo cao nhất khu vực cùng đạt 6,0%, theo sau là Cam-pu-chia 5,8%, In-đô-nê-xi-a 5,0%, Ma-lai-xi-a 4,5% và Lào 4,0%. Tăng trưởng kinh tế của Thái Lan, Xin-ga-po lần lượt đạt 2,6% và 2,4%.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn Thành phố (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2024 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 567.648,7 tỷ đồng, tăng 6,46% so với cùng kỳ.

Trong mức tăng trưởng chung 6,46% của kinh tế Thành phố: Khu vực thương mại dịch vụ đóng góp nhiều nhất 4,62 điểm phần trăm, đồng thời có mức tăng trưởng cao nhất 7,26%; khu vực công nghiệp – xây dựng đóng góp 1,27 điểm phần trăm với mức tăng trưởng 5,55%, trong đó công nghiệp đóng góp 1,11 điểm

phần trăm, xây dựng đóng góp 0,16 điểm phần trăm; khu vực nông nghiệp tăng 0,18%.

Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2024

	Giá hiện hành		Giá so sánh		
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	Năm 2024 so với năm 2023 (%)	Đóng góp điểm % vào GRDP
Tổng số	855.250,4	100,0	567.648,7	106,46	6,46
Chia theo khu vực					
Nông, lâm, thủy sản	4.058,9	0,5	2.177,5	100,18	0,00
Công nghiệp và xây dựng	179.820,5	21,0	128.654,2	105,55	1,27
- Công nghiệp	152.808,8	17,8	111.159,3	105,64	1,11
- Xây dựng	27.011,7	3,2	17.494,9	104,98	0,16
Thương mại, dịch vụ	560.065,8	65,6	363.976,8	107,26	4,62
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	111.305,2	12,9	72.842,2	104,39	0,57

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2024 (theo giá hiện hành): Khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 21,0%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 65,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 12,9%.

Về tỷ trọng đóng góp của 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong GRDP 6 tháng đầu năm 2024

Giá trị tăng thêm của 9 ngành dịch vụ chiếm 59,9% trong GRDP và chiếm 91,3% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 04 ngành chiếm tỷ trọng cao trong GRDP là thương nghiệp (16,4%), vận tải kho bãi (10,5%), tài chính ngân hàng (9,1%), hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ (5,4%). Bốn ngành này chiếm 63,1% nội bộ khu vực dịch vụ.

Tất cả 9 ngành dịch vụ trọng yếu của Thành phố đều có mức tăng trưởng dương, tăng cao nhất là ngành vận tải, kho bãi (+18,47%), tăng thấp nhất là ngành bất động sản (+2,94%).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Nông nghiệp

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm tính đến ngày 15/6/2024 đạt 22.216,1 ha, giảm 0,4% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích lúa gieo cấy vụ Đông Xuân đạt 4.749,6 ha, giảm 1,0%; sản lượng thu hoạch đạt 27.140,1 tấn, tăng 1,5%;

diện tích lúa gieo cấy vụ Hè thu đạt 4.631 ha, tăng 4,6%. Diện tích trồng ngô đạt 438,3 ha, tăng 36,6% so với cùng kỳ và sản lượng đạt 1.866,1 tấn, tăng 38,6%. Diện tích trồng sắn đạt 174,1 ha, giảm 9,0%. Diện tích gieo trồng rau, đậu các loại đạt 4.201 ha, giảm 1,5% và sản lượng đạt 151.372,1 tấn, giảm 0,8%.

Tình hình sinh vật gây hại: Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 979,8 ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ, lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 là 3.918,1 ha, tăng 8,5%. Trên rau là 532,4 ha, giảm 15,0%, lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 là 2.849,9 ha, giảm 17,1%. Các sinh vật gây hại chủ yếu là bọ trĩ, sâu cuốn lá, sâu phao, ốc bươu vàng, bệnh đạo ôn, bệnh đốm lá và chuột.

Chăn nuôi: Tổng đàn chăn nuôi của Thành phố trong tháng tiếp tục có xu hướng giảm quá trình đô thị hóa, chủ trương kiểm soát, xử lý môi trường trong chăn nuôi và việc ngưng thực hiện thí điểm nâng cấp, xây dựng mới trang trại trên đất nông nghiệp. Trong đó, đàn trâu có 2.597 con, giảm 13,9% so với cùng kỳ; đàn bò có 90.251 con, giảm 14,2%, trong đó đàn bò sữa có 60.125 con, giảm 17,1%; đàn lợn thịt có 199.629 con, giảm 1,0%, đàn gia cầm có 360,5 nghìn con, tương đương so với cùng kỳ, riêng đàn gà có 343,7 nghìn con, tăng 0,1%.

2.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản lượng lâm sản khai thác từ đầu năm đến nay ước đạt 2.000 m³ gỗ ở Công ty cây trồng Thành phố và khoảng 1.350 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân tại huyện Cần Giờ. Thời tiết trên địa bàn Thành phố đã bắt đầu vào mùa mưa, đây là thời điểm thuận lợi để cây trồng phân tán. Trong tháng 6 đã trồng được 37 nghìn cây trồng phân tán.

Tổng sản lượng thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 29.222,6 tấn, tương đương so với cùng kỳ. Bao gồm: Cá ước đạt 7.068,8 tấn, giảm 3,7%; tôm ước đạt 6.550,1 tấn, tăng 4,4%; thủy sản khác ước đạt 15.603,7 tấn, tương đương so với cùng kỳ. Cụ thể:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng trong 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 22.908,7 tấn, tăng 1,1% so với cùng kỳ. Bao gồm: Cá ước đạt 3.665,7 tấn, giảm 0,3%; tôm ước đạt 5.608,8 tấn, tăng 4,9%; thủy sản khác ước đạt 13.634,2 tấn, tăng 0,1%.

Sản lượng thủy sản khai thác trong 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 6.314,0 tấn, giảm 3,9% so với cùng kỳ. Bao gồm: Cá ước đạt 3.403,2 tấn, giảm 7,2%; tôm ước đạt 941,3 tấn, tăng 1,5%; thủy sản khác ước đạt 1.969,5 tấn, giảm 0,4%.

Tính đến ngày 10/6/2024, có 247 lượt hộ thả nuôi tôm sú với 73,7 triệu con giống trên diện tích 3.249 ha, diện tích thả nuôi giảm 0,5% so với cùng kỳ và số lượng con giống giảm 16,6%. Tôm thẻ chân trắng có 1.079 lượt hộ thả nuôi với 361,1 triệu con giống trên diện tích 1.104,5 ha, diện tích thả nuôi tăng 23,0% so với cùng kỳ và số lượng con giống giảm 5,6%.

Trong tháng, có 01 lượt hộ nuôi có tôm bệnh đốm trắng trên diện tích 0,4 ha, làm thiệt hại 0,2 triệu con giống; diện tích tôm bị bệnh được xử lý dập bệnh bằng 110 kg thuốc Sodium. Lũy kế 6 tháng năm 2024, có 08 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 3,9 ha, số lượng con giống thiệt hại gần 2,2 triệu con giống. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 1.270 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

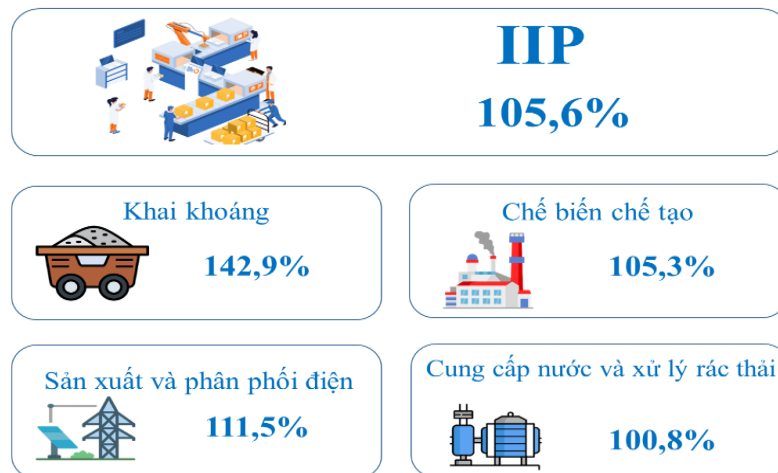
3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm 2024 đạt mức tăng trưởng 5,6% so với cùng kỳ, đây là mức tăng cao nhất trong 3 năm gần đây¹. Ngoài ra, đối với ngành công nghiệp cấp 2, có 17/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng tăng so với cùng kỳ, thấp nhất trong quý² cho thấy hoạt động sản xuất công nghiệp đang có sự phục hồi nhưng chưa bền vững.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 6 năm 2024 ước tính tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ. Bao gồm: Khai khoáng giảm 6,4% so với tháng trước và tăng 42,5% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 7,7% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 4,7% so với tháng trước và tăng 9,2% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 1,6% so với tháng trước và giảm 0,3% so với cùng kỳ.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, IIP trên địa bàn Thành phố tăng 5,6% so với cùng kỳ. Bao gồm: Ngành khai khoáng tăng 42,9%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 11,5%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,8%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ (%)



¹ 6 tháng năm 2022 tăng 3,6%; 6 tháng năm 2023 tăng 1,6%.

² 4 tháng có 19/30 ngành tăng, 5 tháng có 20/30 ngành tăng.

Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 17/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,1%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 21,1%; sản xuất giường tủ, bàn, ghế tăng 14,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 14,0%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 13,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 11,7%. Một số ngành có IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất xe có động cơ giảm 48,1%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 22,7%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu
6 tháng đầu năm so với cùng kỳ**

Đơn vị tính: %

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số	105,9	103,6	101,6	105,6
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	51,3	227,9	98,6	142,9
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	106,7	101,2	101,5	105,3
3. Sản xuất và phân phối điện	102,2	199,6	104,0	111,5
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	99,0	103,9	105,0	100,8
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	103,3	106,6	98,0	103,4
2. Sản xuất đồ uống	95,9	111,7	87,0	97,6
3. Sản xuất trang phục	90,6	111,3	85,5	99,1
4. Sản xuất da và sản phẩm liên quan	107,4	89,0	90,4	95,6
5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	103,2	104,2	107,9	121,1
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	105,2	133,0	121,1	129,1
7. Sản phẩm từ khoáng kim loại	109,6	99,3	83,9	111,7
8. Sản xuất sản phẩm điện tử	114,5	89,6	104,4	94,6
9. Sản xuất thiết bị điện	125,0	95,1	108,3	105,7
10. Sản xuất xe có động cơ	112,9	106,2	125,9	51,9

Chỉ số sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm 6 tháng đầu năm 2024 tăng 5,0% so với cùng kỳ, thấp hơn 0,6 điểm % so với IIP toàn ngành công nghiệp. Bao gồm: Ngành hóa dược tăng 21,1%; ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 1,3%; ngành cơ khí giảm 1,7%; ngành sản xuất hàng điện tử giảm 5,4%.

Chỉ số sản xuất 3 ngành công nghiệp truyền thống 6 tháng đầu năm 2024 giảm 2,3% so với cùng kỳ. Bao gồm: Ngành sản xuất trang phục giảm 0,9%; ngành dệt giảm 1,7%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 4,4%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 6 tháng đầu năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 30,4%; sổ sách, vở, giấy và các sản phẩm bằng giấy tăng 22,6%; bột giặt và các chế phẩm dùng để tẩy rửa tăng 14,1%; xi măng tăng 12,5%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Phân khoáng hoặc phân hoá học giảm 15,5%; giày dép thể thao giảm 6,9%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6 năm 2024 ước tính giảm 2,2% so với tháng trước và tăng 13,3% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,8% so với cùng kỳ, trong đó, có 11/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng và 12/23 ngành có chỉ số tiêu thụ giảm. Một số ngành tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 42,9%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 28,8%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 24,7%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 16,2%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 13,8%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 6 năm 2024 ước tính tăng 3,4% so với tháng trước và giảm 23,7% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống tăng 97,3%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 91,2%; sản xuất than cốc sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 53,1%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 39,6%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 37,5%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 32,6%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 73,3%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 33,8%; sản xuất trang phục giảm 30,7%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp trong tháng 6 năm 2024 tăng 0,7% so với tháng trước và giảm 1,5% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số lao động giảm 5,1% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng cao như: Thoát nước và xử lý nước thải tăng 86,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 29,2%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 29,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 19,2%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm mạnh như: Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 28,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm

22,5%; sản xuất kim loại giảm 21,5%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,3%.

4. Đầu tư và xây dựng

Thành phố tập trung tháo gỡ vướng mắc, các dự án đầu tư công tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn tất thủ tục giải ngân vốn đầu tư; ưu tiên các dự án trọng điểm, cấp bách.

4.1. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Thành phố quý II năm 2024 ước thực hiện 73.834,8 tỷ đồng, giảm 0,9% so với quý trước và giảm 8,1% so với cùng kỳ. Trong đó:

Phân theo nguồn vốn: Vốn nhà nước ước đạt 14.958,6 tỷ đồng, chiếm 20,3% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giảm 13,1% so với cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước ước đạt 50.941,9 tỷ đồng, chiếm 69,0%, giảm 6,8%; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7.934,3 tỷ đồng, chiếm 10,7%, giảm 6,7%.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 42.674,8 tỷ đồng, chiếm 57,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giảm 8,5% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 22.855,8 tỷ đồng, chiếm 31,0%, giảm 6,3%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 3.773,6 tỷ đồng, chiếm 5,1%, giảm 17,2%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 3.666,8 tỷ đồng, chiếm 4,9%, giảm 5,8%; vốn đầu tư khác ước đạt 863,8 tỷ đồng, chiếm 1,2%, giảm 5,8%.

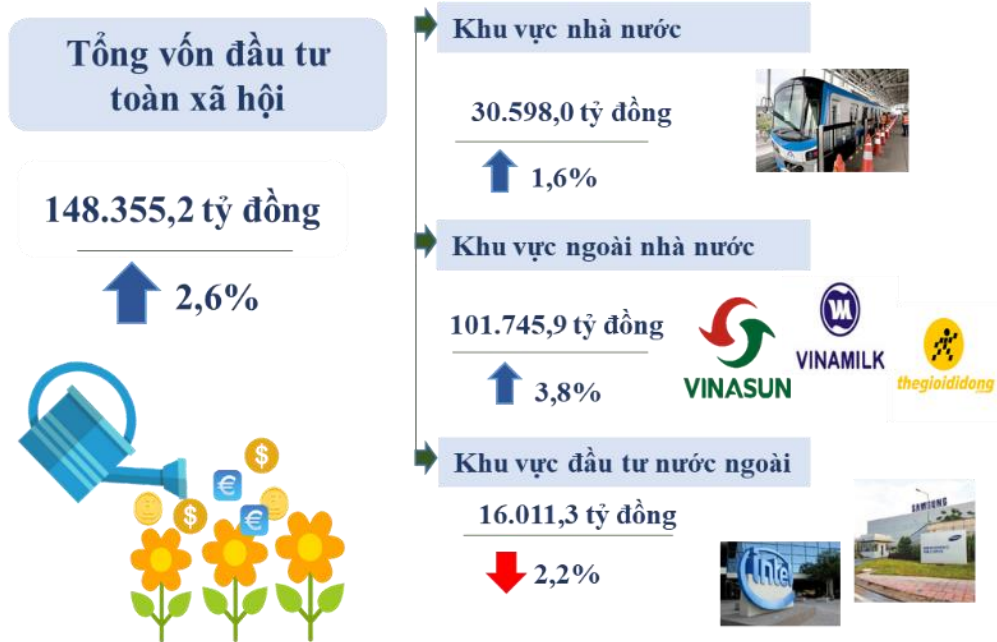
Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trên địa bàn Thành phố ước thực hiện 148.355,2 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Trong đó:

Phân theo nguồn vốn: Vốn nhà nước ước đạt 30.598,0 tỷ đồng, chiếm 20,6% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 1,6% so với cùng kỳ; vốn ngoài nhà nước ước đạt 101.745,9 tỷ đồng, chiếm 68,6%, tăng 3,8%; vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 16.011,3 tỷ đồng, chiếm 10,8%, giảm 2,2%.

Phân theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 85.291,8 tỷ đồng, chiếm 57,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giảm 1,7% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản ước đạt 46.278,8 tỷ đồng, chiếm 31,2%, tăng 10,5%; vốn đầu tư sửa chữa lớn ước đạt 7.646,9 tỷ đồng, chiếm 5,1%, tăng 1,6%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 7.411,0

tỷ đồng, chiếm 5,0%, tăng 10,9%; vốn đầu tư khác ước đạt 1.726,7 tỷ đồng, chiếm 1,2%, tăng 5,0%.

Tình hình thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2024



4.2. Vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 6 năm 2024 đạt 2.610,8 tỷ đồng, giảm 5,1% so với tháng trước và giảm 43,4% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 2.606,3 tỷ đồng, giảm 43,0% so với cùng kỳ; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 4,5 tỷ đồng, bằng 11,3% so với cùng kỳ (do Kế hoạch vốn từ ngân sách cấp huyện năm 2024 chỉ bằng 16,8% năm 2023).

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước ước thực hiện 14.922,6 tỷ đồng, giảm 1,0% so với cùng kỳ (6 tháng năm 2023 thực hiện 15.067,9 tỷ đồng). Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố quản lý ước thực hiện 14.893,8 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ, đạt 18,8% Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 28,8 tỷ đồng, bằng 13,6% so với cùng kỳ, đạt 25,6% Kế hoạch cấp huyện.

Tính đến hết ngày 21 tháng 6 năm 2024, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã giải ngân là 8.195 tỷ đồng, đạt 10,3% so với Kế hoạch vốn năm 2024.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên), đã hoàn thành hơn 98% khối lượng. Trong đó, Ga ngầm Bến Thành đã cơ bản hoàn thiện, chờ

bàn giao trước khi vận hành. Dự án Metro số 1 đang cố gắng đẩy nhanh tiến độ đưa vào khai thác trong tháng 11 năm 2024.

Dự án tuyến đường sắt Metro số 2 (Bến Thành - Tham Lương) cơ bản đã hoàn tất thủ tục ban hành Quyết định bồi thường 584/586 trường hợp, đạt 99,6%; trong đó Quận 1, 10, 12, Tân Bình, Tân Phú đạt 100%, 02 hộ còn lại thuộc địa bàn Quận 3 đang được tích cực vận động bàn giao mặt bằng. Các nhà thầu đang thi công những hạng mục đầu tiên về di dời - tái lập hệ thống cấp thoát nước, biển báo, chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông. Tuyến Metro số 2 dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2030.

Dự án Thành phần 1 đường Vành đai 3 Thành phố được chia làm 14 gói thầu xây lắp, trong đó có 10 gói thầu xây lắp chính đã đấu thầu xong và đang triển khai. Do thiếu cát nên một số gói thầu chậm tiến độ, điển hình khu vực qua huyện Bình Chánh nhiều đoạn mặt bằng đã sẵn sàng nhưng chưa triển khai vì thiếu cát. Việc thiếu cát là thách thức đối với mục tiêu thông xe phần cao tốc năm 2025 và hoàn thành toàn bộ dự án vào năm 2026.

Dự án Thành phần 2 đường Vành đai 3 Thành phố đang được đẩy nhanh tiến độ bồi thường. Hiện mặt bằng bàn giao đạt 98,6%, trong đó; thành phố Thủ Đức đạt 94,4%; huyện Củ Chi đạt 99,8%; huyện Hóc Môn đạt 100%; huyện Bình Chánh đạt 99,4%.

Dự án mở rộng Quốc lộ 50 gồm 7 gói thầu xây lắp; trong đó 4/7 gói xây lắp làm đường song hành Quốc lộ 50 đạt khoảng 53% khối lượng và dự kiến hoàn thành trong năm 2024; 3/7 gói thầu mở rộng Quốc lộ 50 hiện hữu dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Tuy nhiên, dự án đang gặp vướng mắc trong công tác bồi thường cho 11 hộ dân (03 hộ dân tại gói XL1 và 08 hộ dân lại gói XL2) gây nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý, thời gian bàn giao có thể kéo dài, nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ toàn dự án.

Dự án cải tạo kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên đạt hơn 50% tổng khối lượng. Tuy dự án hiện vẫn gặp một số khó khăn, vướng mắc về vật liệu cát đắp nền nhưng việc thi công vẫn đảm bảo đúng tiến độ.

4.3. Cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở hộ dân cư

Tính đến hết tháng 5 năm 2024, toàn Thành phố đã cấp 10.240 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn với diện tích sàn 1.817,4 nghìn m², tăng 1,1% về giấy phép (+113 giấy phép) và giảm 1,4% về diện tích (-26 nghìn m²) so với cùng kỳ. Trong đó, cấp xây dựng mới 9.487 giấy phép với diện tích 1.747,4 nghìn m² và 753 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 70,0 nghìn m².

5. Hoạt động của doanh nghiệp

5.1. Tình hình đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/6/2024, Thành phố cấp phép 25.248 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 214.716 tỷ đồng, tăng 9,6% về giấy phép và tăng 1,0% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó,

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 23.079 đơn vị với vốn đăng ký đạt 176.201 tỷ đồng, tăng 11,9% về cấp phép và tăng 8,4% về vốn so với cùng kỳ; Công ty cổ phần có 1.963 đơn vị với vốn đăng ký đạt 38.347 tỷ đồng, giảm 4,8% về cấp phép và giảm 23,1% về vốn; Doanh nghiệp tư nhân có 202 đơn vị với vốn đăng ký đạt 156 tỷ đồng, giảm 41,8% về cấp phép và giảm 14,5% về vốn.

Phân theo khu vực kinh tế,

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có 64 đơn vị với vốn đăng ký đạt 1.581 tỷ đồng, tăng 3,2% về cấp phép và tăng 85,2% về vốn so với cùng kỳ.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành công nghiệp – xây dựng có 3.979 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 33.558 tỷ đồng, giảm 5,8% về cấp phép và giảm 49,8% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, ngành công nghiệp có 2.227 doanh nghiệp và vốn đăng ký 12.798 tỷ đồng, giảm 5,8% về cấp phép và giảm 17,5% về vốn; ngành xây dựng có 1.752 doanh nghiệp và vốn đăng ký 20.760 tỷ đồng, giảm 5,9% về cấp phép và giảm 59,6% về vốn.

Số lượng doanh nghiệp cấp phép ngành thương mại, dịch vụ có 21.205 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 179.577 tỷ đồng, tăng 13,1% về cấp phép và tăng 23,9% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, thương nghiệp có 13.204 đơn vị và vốn đăng ký đạt 106.290 tỷ đồng, tăng 38,3% về cấp phép và tăng 60,6% về vốn; vận tải kho bãi có 1.025 đơn vị và vốn đăng ký đạt 5.861 tỷ đồng, giảm 6,0% về cấp phép và giảm 31,2% về vốn; dịch vụ lưu trú ăn uống có 925 đơn vị và vốn đăng ký đạt 12.306 tỷ đồng, giảm 19,7% về cấp phép và tăng 174,7% về vốn; kinh doanh bất động sản có 570 đơn vị và vốn đăng ký đạt 27.851 tỷ đồng, giảm 17,3% về cấp phép và tăng 4,1% về vốn; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 2.032 đơn vị và vốn đăng ký 10.772 tỷ đồng, giảm 15,9% về cấp phép và giảm 39,6% về vốn.

5.2. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2024

so với quý I/2024 đã có tín hiệu khởi sắc. Cụ thể, có 37,0% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên; 36,6% giữ ổn định và 26,4% khó khăn hơn. Trong đó, 80,0% doanh nghiệp nhà nước cho rằng hoạt động quý II so với quý I tốt lên và giữ ổn định; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài nhà nước lần lượt là 73,6% và 72,7%.

Dự báo tình hình quý III/2024, có 37,0% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý II/2024 sẽ tốt hơn; 41,2% giữ ổn định và 21,8% khó khăn hơn. Trong đó, có 82,5% doanh nghiệp nhà nước có cái nhìn tích cực về tình hình kinh doanh trong quý III/2024, tỷ lệ này ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và ngoài nhà nước tương ứng là 79,4% và 76,9%.

6. Tài chính, ngân hàng và chứng khoán

6.1. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố trong 6 tháng đầu năm 2024 ước tăng 18% so với cùng kỳ, trong đó thu từ các khu vực kinh tế đều tăng góp phần thu nội địa tăng 29%, tuy nhiên thu từ dầu thô giảm 12,8% và thu từ xuất nhập khẩu giảm 2,1%. Ngược lại, chi ngân sách địa phương giảm 12,1%, trong đó chi thường xuyên giảm 0,9% so với cùng kỳ.

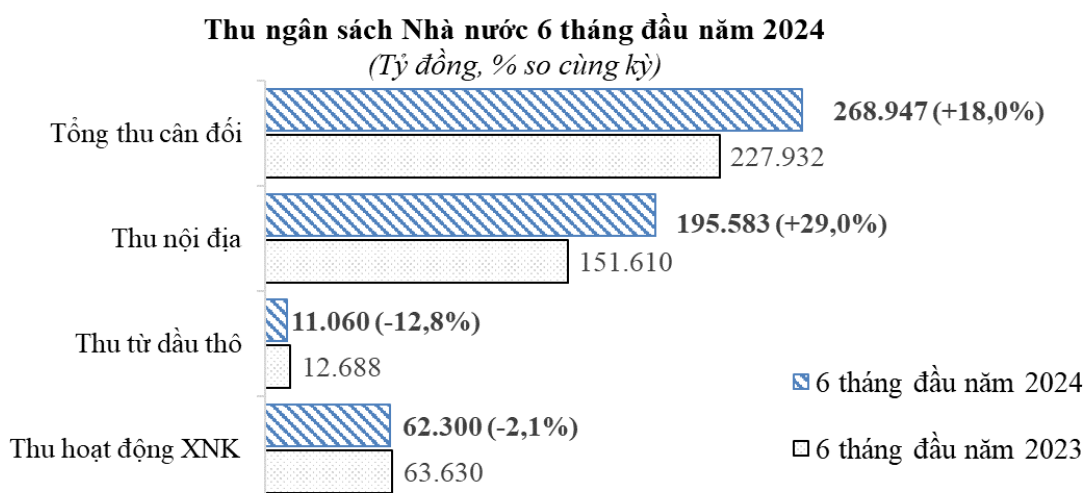
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện 268.947 tỷ đồng, đạt 55,7% dự toán và tăng 18% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Thu nội địa ước thực hiện 195.583 tỷ đồng, đạt 58,6% dự toán, chiếm 72,7% tổng thu cân đối và tăng 29% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 17.362 tỷ đồng, đạt 58,1% dự toán, chiếm 6,5% tổng thu và tăng 18,7%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 58.476 tỷ đồng, đạt 63,8% dự toán, chiếm 21,7% tổng thu và tăng 23,1%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 42.981 tỷ đồng, đạt 63,8% dự toán, chiếm 16% tổng thu và tăng 19%.

Thu dầu thô ước thực hiện 11.060 tỷ đồng, đạt 61,8% dự toán, chiếm 4,1% tổng thu cân đối và giảm 12,8%.

Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 62.300 tỷ đồng, đạt 47,6% dự toán, chiếm 23,2% tổng thu cân đối và giảm 2,1%.

Thu cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện 99.504 tỷ đồng, đạt 70,6% dự toán, chiếm 37% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 56,4% so với cùng kỳ.

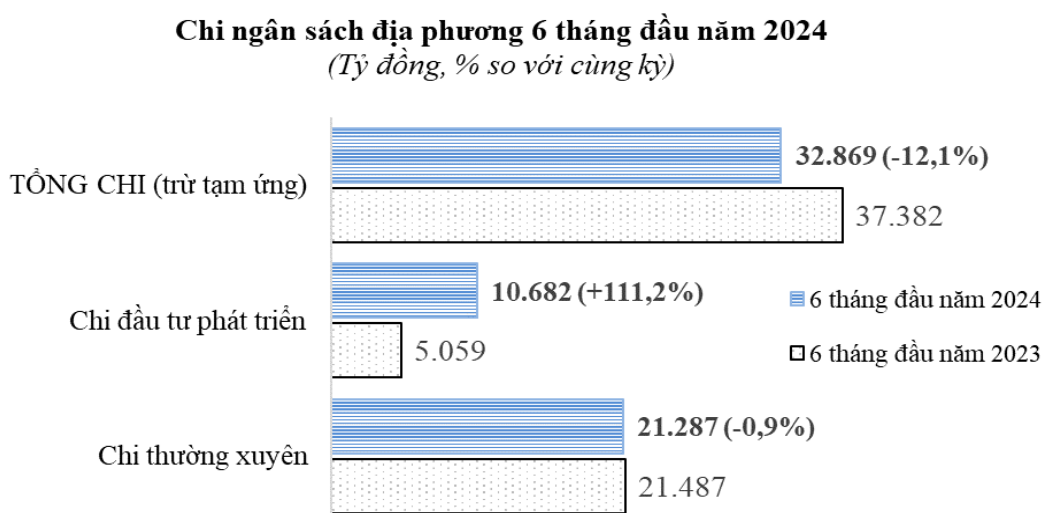


Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 6 tháng đầu năm 2024 ước thực hiện 32.869 tỷ đồng, đạt 21,9% dự toán và giảm 12,1% so với cùng kỳ.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 32.116 tỷ đồng, đạt 22% dự toán và tăng 20,4% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 10.682 tỷ đồng, đạt 14,1% dự toán và gấp 2,1 lần so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên ước thực hiện 21.287 tỷ đồng, đạt 33,6% dự toán và giảm 0,9%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 8.255 tỷ đồng, đạt 34,7% dự toán và tăng 9,1%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 1.228 tỷ đồng, đạt 24% dự toán và tăng 3,1%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 177 tỷ đồng, đạt 33,6% dự toán và giảm 48,5%.



6.2. Ngân hàng

Kể từ tháng cuối tháng 5 năm 2024, lãi suất huy động bằng VNĐ tại các Ngân hàng Thương mại có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 4/2024, mức tăng

khoảng 0,1%-0,2%/năm tùy kỳ hạn. Đối với lãi suất cho vay bằng VNĐ cuối tháng 5 được các Ngân hàng thương mại áp dụng phổ biến mức 4,4% - 7,7%/năm đối kỳ ngắn hạn và mức 7% - 9,1% đối với kỳ trung, dài hạn. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 8,6% và dư nợ tăng 10,2% so với cùng kỳ.

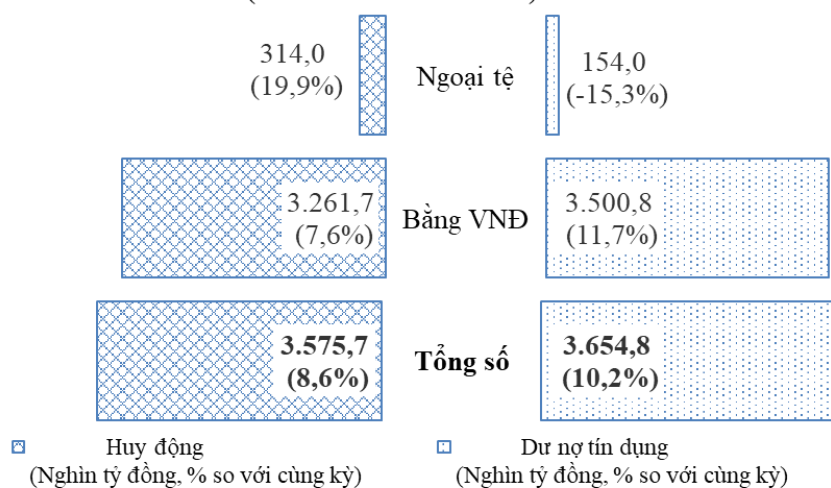
Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 30/6/2024 đạt 3.575,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 8,6% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 3.261,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 91,2% tổng vốn huy động, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 7,6% so với cùng kỳ.

- Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 314 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,8% tổng vốn huy động, tăng 1% so với tháng trước và tăng 19,9% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ

(Ước tính đến 30/6/2024)



Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 30/6/2024 đạt 3.654,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 10,2% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dư nợ tín dụng bằng VNĐ ước đạt 3.500,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 95,8% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 11,7% so với cùng kỳ.

- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 154 nghìn tỷ đồng, chiếm 4,2%, tăng 0,9% so với tháng trước và giảm 15,3% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.740,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,6% tổng dư nợ tín dụng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 11,6% so với cùng kỳ.

- Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.914 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,4% tổng dư nợ, tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 9% so với cùng kỳ.

6.3. Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán trên sàn Hose trong tháng 5/2024 có diễn biến khá tích cực khi khối lượng và giá trị giao dịch trong tháng 5/2024 tăng so với tháng trước. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024 tổng khối lượng giao dịch tăng 48,4% về khối lượng và giá trị gấp 2 lần so với cùng kỳ. Chỉ số VN-Index trên sàn Hose đã đạt 1.261,72 điểm trong phiên giao dịch cuối cùng của tháng 5/2024, tăng 3,7% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/5/2024, đã có 491 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 332 mã cổ phiếu, 15 mã chứng chỉ quỹ, 143 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã giảm 04 cổ phiếu và 38 mã chứng quyền so với tháng trước. Trong tháng có 05 mã cổ phiếu và 35 mã chứng quyền hủy niêm yết trên sàn Hose.

Trong tháng 5 năm 2024 có 22 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 19.388,9 triệu chứng khoán và giá trị đạt 479.306,5 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã tăng 11,7% về khối lượng và tăng 16,3% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 86,2% về khối lượng và chiếm 86,6% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 881,3 triệu chứng khoán với 21.786,7 tỷ đồng được giao dịch, giảm 3,5% về khối lượng và tăng 0,5% về giá trị so với tháng trước.

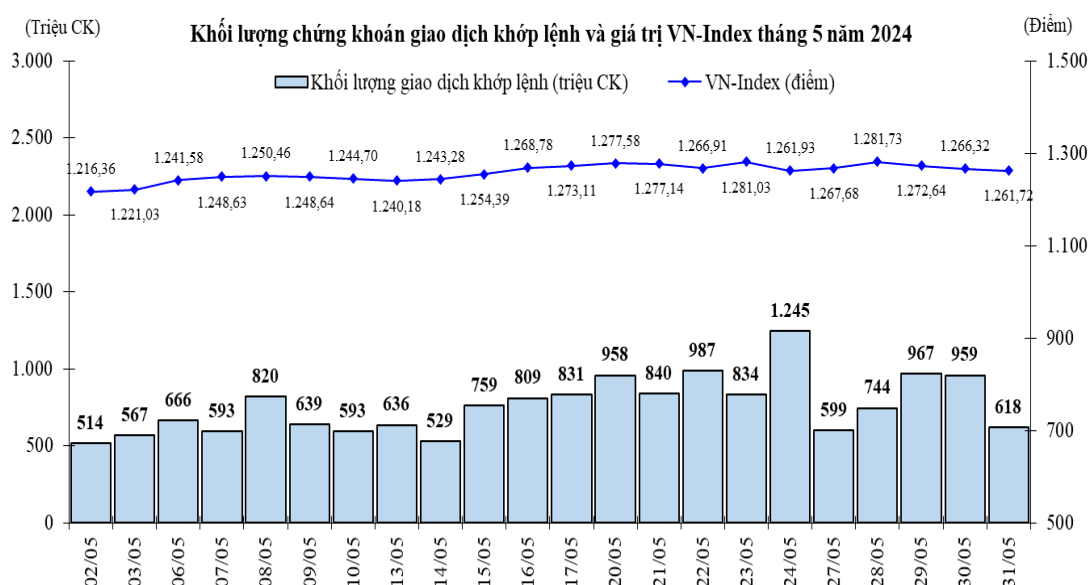
Lũy kế 5 tháng đầu năm 2024, tổng khối lượng giao dịch đạt 91.405,7 triệu chứng khoán với giá trị đạt 2.154.106,9 tỷ đồng, tăng 48,4% về khối lượng và tăng 104,1% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 90,3% về khối lượng và chiếm 90% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 914,1 triệu chứng khoán với 21.541,1 tỷ đồng được giao dịch, tăng 46,9% về khối lượng và tăng 102% về giá trị so với cùng kỳ.

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 5/2024	Lũy kế 5 tháng 2024	Tháng 5/2024 so với tháng 4/2024	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	19.388,9	91.405,7	111,7	148,4
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	15.257,4	70.459,8	114,6	141,2
- Trái phiếu	10,7	56,3	84,9	521,3

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 5/2024	Lũy kế 5 tháng 2024	Tháng 5/2024 so với tháng 4/2024	So với cùng kỳ
- Chứng chỉ quỹ & ETF	186,9	781,6	86,6	154,4
- Chứng quyền	3.933,9	20.108,0	103,1	180,0
2. Chia theo hình thức giao dịch:				
- Giao dịch khớp lệnh	16.705,5	82.575,0	106,7	150,5
- Giao dịch thoả thuận	2.683,4	8.830,7	158,1	131,8
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	479.306,5	2.154.106,9	116,3	204,1
1. Chia theo loại chứng khoán:				
- Cổ phiếu	392.347,3	1.730.007,4	119,1	205,3
- Trái phiếu	45,8	262,3	84,0	636,7
- Chứng chỉ quỹ & ETF	3.440,6	17.845,3	66,7	188,7
- Chứng quyền	83.472,8	405.991,9	108,1	199,4
2. Chia theo hình thức giao dịch:				
- Giao dịch khớp lệnh	415.317,1	1.939.287,8	112,2	213,6
- Giao dịch thoả thuận	63.989,4	214.819,1	153,1	145,3

Chỉ số VN-Index trong tháng 5 năm 2024 có diễn biến tích cực với 22 phiên giao dịch được thực hiện thì có đến 13 phiên VN-Index tăng điểm và 09 phiên giảm điểm. Trong phiên giao dịch đầu tháng VN-Index đạt 1.216,36 điểm, tăng 7,6% (tương ứng tăng 86,43 điểm) so với ngày 29/12/2023. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index có xu hướng tăng nhẹ và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index tăng lên mức 1.261,72 điểm, tăng 3,7% (tương ứng tăng 45,36 điểm) so với phiên đầu tháng; giá trị vốn hóa thị trường đạt 5.141.025 tỷ đồng, gấp 3,2 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2023.



Cập nhật phiên giao dịch ngày 18/6/2024, có 492 mã chứng khoán giao dịch theo hình thức khớp lệnh trên sàn Hose, trong đó có 334 mã cổ phiếu, 13 mã chứng chỉ quỹ, 144 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.279,50 điểm, tăng 13,2% (tương ứng tăng 149,57 điểm) so với 29/12/2023 và vốn hóa thị trường đạt 5.218.084 tỷ đồng.

7. Hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải

7.1. Thương mại và dịch vụ

Bước qua tháng 6, thương mại và dịch vụ trên địa bàn diễn ra sôi nổi với nhiều chương trình được thực hiện nhằm kích cầu tiêu dùng, phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân trong mùa du lịch hè. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2024 dự ước tăng trưởng khá với mức tăng 10,0% so với cùng kỳ. Trong đó, bán lẻ hàng hóa tăng 10,2%, lưu trú và ăn uống tăng 8,1%, dịch vụ lữ hành tăng 63,3% và dịch vụ khác tăng 7,2%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6 năm 2024 ước đạt 99.010 tỷ đồng, tăng 5,7% so với tháng trước và tăng 8,6% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 557.545 tỷ đồng, tăng 10,0% so với cùng kỳ.

Tính riêng quý II năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt ước tính 284.042 tỷ đồng, tăng 5,9% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lữ hành tăng 64,3%, doanh thu bán lẻ tăng 8,7%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 2,7%; dịch vụ khác giảm 0,3%. So với quý I năm 2024, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý II tăng 3,9%, trong đó doanh thu bán lẻ tăng 4,8%, lưu trú và ăn uống tăng 6,3%, dịch vụ lữ hành tăng 28,6%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2024 (% so với cùng kỳ)



Tình hình bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng theo nhóm ngành cụ thể như sau:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 6 năm 2024 ước đạt 48.119 tỷ đồng, chiếm 48,6% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 7,5% so với tháng trước và tăng 13,7% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ trừ nhóm sửa chữa mô tô, xe máy và xe có động cơ giảm 11,4% so với cùng kỳ, các nhóm còn lại đều tăng, cụ thể như nhóm lương thực, thực phẩm tăng 10,3%; nhóm hàng may mặc tăng 11,5%; nhóm ô tô các loại tăng 74,5%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 13,3%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 267.617 tỷ đồng, tăng 10,2% so với cùng kỳ. Một số nhóm có tỷ trọng cao với mức tăng lần lượt như sau: Nhóm lương thực, thực phẩm chiếm 31,1%, tăng 8,8%; nhóm đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình chiếm 24,4%, tăng 16,6%; nhóm hàng hóa khác chiếm 9,2%, tăng 6,8%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm chiếm 8,6%, tăng 28,9%; nhóm hàng may mặc chiếm 5,9%, tăng 2,4%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng 6 năm 2024 ước đạt 11.123 tỷ đồng, chiếm 11,2% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 3,0% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hoạt động lưu trú tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 19,1% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động dịch vụ ăn uống tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 0,9% so với cùng kỳ.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 62.523 tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành lưu trú tăng 43,3% và ngành dịch vụ ăn uống tăng 3,9%.

Dịch vụ lữ hành tháng 6 năm 2024 ước đạt 3.917 tỷ đồng, tăng 19,6% so với tháng trước và tăng 55,5% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt 19.049 tỷ đồng, tăng 63,3% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ khác tháng 6 năm 2024 ước đạt 35.851 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 1,0% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 208.355 tỷ đồng, tăng 7,2%. Thị trường bất động sản đã bước qua thời kỳ trầm lắng khi các chính sách có liên quan phát huy được hiệu quả, lãi suất cho vay giảm, khả năng tiếp cận nguồn vốn của người dân và doanh nghiệp tăng lên, doanh thu lĩnh vực kinh doanh bất động sản trong 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 123.887 tỷ đồng, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Một

số nhóm dịch vụ khác tiếp tục tăng trưởng như nhóm giáo dục đào tạo và nhóm y tế có mức tăng xấp xỉ 8,6%; nhóm nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 6,4%.

7.2. Vận tải hành khách và hàng hóa

7.2.1. Sản lượng vận tải hành khách và hàng hóa

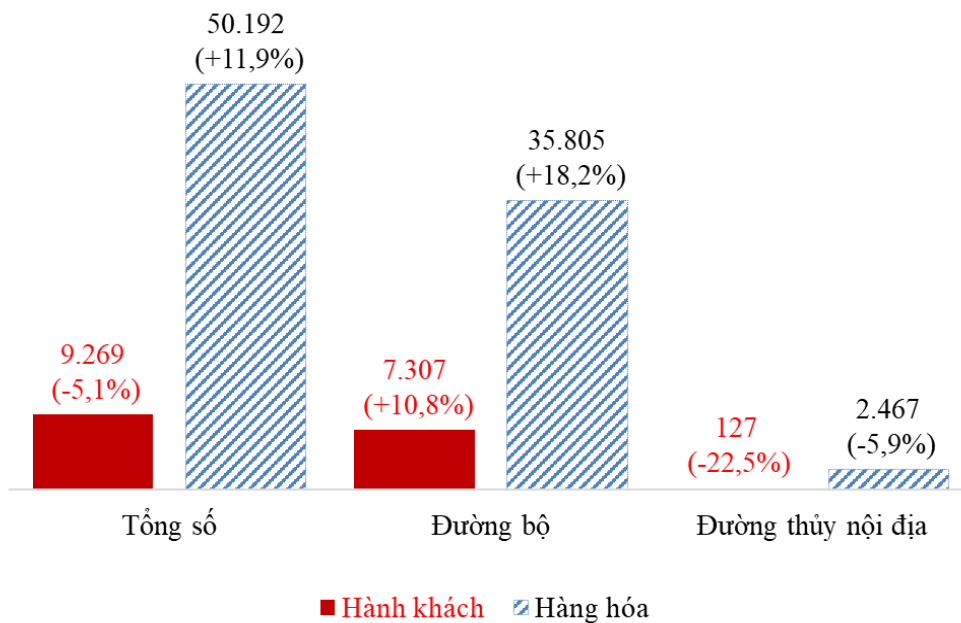
Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 6 ước đạt 39.128 nghìn lượt, tăng 7,7% so với tháng trước và giảm 47,5% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 179.095 nghìn lượt, giảm 32,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 98,1%, giảm 32,4% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 1,0%, giảm 14,7%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 6 ước đạt 27.415 nghìn tấn, giảm 6,5% so với tháng trước và tăng 18% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 139.414 nghìn tấn, tăng 21,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 73,4%, tăng 27,9% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 10,8%, giảm 6,3%; vận tải đường biển chiếm 15,5%, tăng 15,9%.

7.2.2. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 6 ước đạt 36.833 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 31,9% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 199.861 tỷ đồng, tăng 32,4% so với cùng kỳ. Riêng quý II ước đạt 106.964 tỷ đồng, tăng 15,1% so với quý I và tăng 30,1% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải 6 tháng năm 2024
Một số ngành vận tải chủ yếu (Tỷ đồng, % so với cùng kỳ)



Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 6 ước đạt 1.497 tỷ đồng, tăng 4,7% so với tháng trước và giảm 20,4% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 9.269 tỷ đồng, giảm 5,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 78,8%, tăng 10,8% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 7,0%, tăng 19,5%; đường thủy nội địa chiếm 1,4%, giảm 22,5%.

Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 6 ước đạt 9.193 tỷ đồng, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 8,3% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 50.192 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 71,3%, tăng 18,2% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 4,9%, giảm 5,9%; vận tải đường biển chiếm 23,4%, giảm 0,1%.

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu tháng 6 ước đạt 26.143 tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 49,0% so với cùng kỳ. Tính chung 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 140.400 tỷ đồng, tăng 45,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 133.080 tỷ đồng, tăng 46,8% so với cùng kỳ; Bưu chính và chuyển phát đạt 7.320 tỷ đồng, tăng 29,1%.

8. Chỉ số giá

8.1. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 năm 2024 giảm 0,15% so với tháng trước. Trong đó, 7/11 nhóm có chỉ số giá giảm, giảm nhiều nhất là nhóm giao thông với mức giảm 2,53%; 4/11 nhóm còn lại đều tăng và tăng cao nhất là hàng ăn và dịch vụ ăn uống với mức tăng 0,33%.

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 6 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,33%, trong đó lương thực tăng 0,22%, thực phẩm tăng 0,33% và ăn uống ngoài gia đình tăng 0,36%. Một số mặt hàng ở nhóm thực phẩm có chỉ số giá tăng như giá thịt gia súc tăng 1,10%; giá thịt gia cầm tăng 0,46% do nguồn cung giảm và giá bán tại trại tăng nhẹ; giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,58%; quả tươi, chế biến tăng 1,51% do thời tiết mưa nhiều và nhu cầu tăng dịp tết Đoan Ngọ.

May mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,53% chủ yếu do các chương trình khuyến mãi của các đơn vị kinh doanh. Trong đó, giá quần áo may sẵn giảm 0,16%; giày dép giảm 1,84%. Trong khi đó, ở chiều ngược lại, một số mặt hàng tăng giá như vải tăng 0,05%; may mặc khác tăng 0,43%; mũ nón tăng 0,13%; dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,44% với nguyên nhân do chi phí vận chuyển tăng và một số đơn vị điều chỉnh giá dịch vụ may, sửa quần áo, giày dép.

Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,03%, trong đó giá nhà ở thuê tăng 0,08%; giá nước sinh hoạt tăng 0,53% do việc điều chỉnh giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải năm 2024. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng giảm giá như giá điện sinh hoạt giảm 0,49%, giá gas và các loại chất đốt khác giảm 0,92%.

Nhóm giao thông giảm 2,53% chủ yếu do giá xăng giảm 5,86% do ảnh hưởng của 5 lần điều chỉnh giá bán xăng dầu vào ngày 30/5, ngày 06/6, ngày 13/6, ngày 20/6 và ngày 27/6. Phương tiện đi lại giảm 0,92% do việc điều chỉnh giá bán của các dòng xe ô tô đời cũ.

Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,21% so với tháng trước, chủ yếu tập trung ở các các mặt hàng như giá thiết bị và dụng cụ thể thao tăng 0,37% do nhà cung cấp điều chỉnh giá bán; giá hoa, cây cảnh, vật cảnh tăng 1,63%; giá du lịch trọn gói tăng 1,59% do nhu cầu tăng cao dịp hè.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 tăng 3,37% so với cùng kỳ, trong đó chỉ nhóm bưu chính viễn thông giảm 3,36%; 10/11 nhóm còn lại đều tăng và tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với mức tăng 7,84%, kế đến là giáo dục với mức tăng là 7,45%, nhóm giao thông tăng 5,20%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng năm 2024 tăng 3,26% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm bưu chính viễn thông giảm 3,92%; các nhóm còn lại đều tăng và tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với mức tăng 7,77% do các bệnh viện trên địa bàn điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế; kế đến là nhóm giáo dục tăng 7,48% do việc điều chỉnh giá học phí năm học 2023-2024; nhóm giao thông tăng 5,24%.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

Đơn vị tính: %

	Tháng 6 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 6 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ số giá tiêu dùng	102,36	103,47	103,73	103,28
<i>Trong đó: - Lương thực</i>	103,41	110,13	104,26	110,49
<i>- Thực phẩm</i>	102,64	101,05	103,39	100,28
2. Chỉ số giá vàng	96,87	121,73	100,55	120,46
3. Chỉ số giá USD	102,52	107,62	102,53	105,53

Chỉ số giá vàng tháng 6 năm 2024 giảm 6,40% so với tháng trước, tăng 10,74% so với tháng 12 năm 2023 và tăng 21,73% so với cùng kỳ; bình quân 6 tháng năm 2024 tăng 20,46% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6 năm 2024 giảm 0,01% so với tháng trước, tăng 4,27% so với tháng 12 năm 2023 và tăng 7,62% so với cùng kỳ; bình quân 6 tháng năm 2024 tăng 5,53% so với cùng kỳ.

8.2. Chỉ số giá sản xuất

Trong quý II năm 2024, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi các yếu tố chính trị, kinh tế, xã hội của các nước. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu yếu khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Trong nước, hoạt động sản xuất hàng hóa, dịch vụ đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân và xuất khẩu. Giá sản xuất quý II năm 2024 so với quý trước biến động khi chỉ số giá sản xuất công nghiệp giảm, trong khi chỉ số giá nông lâm nghiệp và thủy sản và giá dịch vụ tăng.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản quý II năm 2024 ước tăng 0,80% so với quý trước và tăng 2,01% so với cùng kỳ, trong đó: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp và dịch vụ có liên quan tăng 0,59% và tăng 0,75%; lâm nghiệp và dịch vụ có liên quan không có biến động về giá; thủy sản khai thác, nuôi trồng tăng 1,39% và tăng 5,52%.

Chỉ số giá sản xuất sản phẩm công nghiệp quý II năm 2024 ước giảm 0,13% so với quý trước và tăng 1,90% so với cùng kỳ, trong đó: Chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng giảm 0,24% và tăng 0,54%; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,20% và tăng 1,87%; sản xuất điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,77% và tăng 9,66%; nước tự nhiên khai thác, dịch vụ quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,15% và tăng 0,35%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý II năm 2024 ước tăng 0,82% so với quý trước và tăng 1,99% so với cùng kỳ, trong đó: Dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 2,58% và tăng 2,75%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 0,08% và tăng 4,35%; thông tin và truyền thông tăng 0,57% và giảm 0,58%; giáo dục và đào tạo giảm 3,98% và tăng 8,57%; y tế và trợ giúp xã hội tăng 1,19% và tăng 9,46%, nghệ thuật, vui chơi và giải trí tăng 0,99% và tăng 3,70%.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hoạt động y tế (Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 15/5/2024)

Tính từ đầu năm đến nay, số ca mắc bệnh Sốt xuất huyết là 3.176 ca, giảm 57,0% so với cùng kỳ; bệnh Tay Chân Miệng là 4.152 ca, tăng 194,5%; bệnh Covid-19 là 327 ca, giảm 89,7%; bệnh Mpox là 42 ca, không có ca tử vong.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị: Thành phố đã cập nhật dữ liệu sức khỏe của người dân vào ứng dụng VneID từ nền tảng dùng chung bệnh án điện tử thông qua việc phối hợp dữ liệu của các Sở, ban ngành Thành phố và chuyển đổi số; xây dựng và phát triển mạng lưới phòng chống ung thư vùng Đông Nam Bộ;

phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng cao không chỉ dừng lại ở chính sách đãi ngộ, mà còn hỗ trợ và phát triển tài năng trẻ, lãnh đạo tương lai trong lĩnh vực y tế từ nay đến năm 2035; xây dựng mạng lưới cộng tác viên sức khỏe cộng đồng thông qua chính sách đặc thù của Thành phố; triển khai thí điểm bổ sung nhân lực cho trạm y tế theo quy mô dân số; quản lý sức khỏe phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và trẻ em đồng thời đưa các giải pháp nhằm tăng tổng tỷ suất sinh đến năm 2030.

Vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố đảm bảo an toàn thực phẩm tại 16 sự kiện, lễ hội; kiểm tra 4.473 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và chưa phát hiện trường hợp vi phạm. Trong quá trình kiểm tra đã kết hợp thông tin, tuyên truyền các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đến các cơ sở.

2. Hoạt động giáo dục

Việc tuyển sinh đầu cấp học mầm non, lớp 1, lớp 6 diễn ra từ ngày 18/5 đến 03/6, phụ huynh học sinh xác nhận thông tin và thực hiện đăng ký bằng hình thức trực tuyến; dự kiến công bố kết quả toàn Thành phố đối với tất cả các cấp vào ngày 01/8.

Học sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào các trường trung học phổ thông năm học 2024-2025 là 98.681 thí sinh đối với lớp 10 thường, trong đó có 8.233 thí sinh đăng ký lớp 10 chuyên và 1.403 thí sinh đăng ký lớp 10 tích hợp. Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 tại Thành phố đã tổ chức ngày 06 và 07/6; ngày 19/6 công bố điểm thi tuyển sinh lớp 10; dự tính ngày 30/6 sẽ công bố kết quả chấm phúc khảo và ngày 10/7 công bố điểm chuẩn các trường thường.

Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 sẽ diễn ra trong 04 ngày (ngày 26-29/6); dự kiến công bố kết quả vào ngày 17/7.

Thành phố đã xây dựng Kế hoạch năm học 2024-2025; triển khai các quyết định về giao chỉ tiêu tuyển sinh đầu cấp; kiểm tra và theo dõi tình hình hoạt động của các đơn vị giáo dục ngoài công lập.

3. Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Về văn hóa, nghệ thuật: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố tổ chức nhiều chương trình chuỗi sự kiện, lễ hội và phối hợp tuyên truyền cổ động như: Chương trình Countdown; chương trình Xuân quê hương 2024; liên hoan biểu diễn các bộ môn võ thuật và các bài thể dục; trang trí ánh sáng nghệ thuật đường phố; hoạt động Tết Văn hóa - Nghĩa tình và chuỗi sự kiện Mừng Xuân Giáp Thìn - Mừng Đảng quang vinh; Kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024); Lễ Giỗ tổ Hùng Vương; kỷ niệm 49 năm Ngày

giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2024) và 138 năm Ngày Quốc tế Lao động (01/5/1886 - 01/5/2024) tổ chức bắn pháo hoa tại 05 điểm và tổ chức trưng bày 80 hình ảnh với chủ đề “Thành phố Hồ Chí Minh - Vì cả nước, cùng cả nước”; tổ chức cầu truyền hình đặc biệt mang tên “Dưới lá cờ Quyết Thắng” kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024) được truyền hình trực tiếp tại khu di tích Cột cờ Thủ Ngữ; tổ chức chương trình nghệ thuật với chủ đề “Bản hùng ca vang mãi” tại phố đi bộ Nguyễn Huệ, Quận 1.

Về hoạt động thể thao quần chúng: Thành phố tổ chức hội thao Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024; giải bóng đá Thanh Niên sinh viên Việt Nam lần II – 2024; giải Marathon Thành phố Hồ Chí Minh mùa thứ 11 năm 2024; Giải Billiards & Snooker A1 Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024; giải vô địch quốc gia giành cho người khiếm thị, khuyết tật với sự tham gia của 500 vận động viên đến từ 21 tỉnh, thành phố, trong đó, đoàn Thành phố Hồ Chí Minh có hơn 200 vận động viên; tổ chức giải việt dã truyền thống 30/4 lần thứ 48 vô địch Thành phố Hồ Chí Minh mở rộng năm 2024 có 1.500 vận động viên tham gia; tham dự Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc khu vực IV tại Đắk Lắk, kết quả tổng số 11 môn đoàn học sinh Thành phố giành 93 huy chương vàng, 61 huy chương bạc, 37 huy chương đồng, hỗ trợ công tác tổ chức giải Marathon VNExpress Hồ Chí Minh Midnight, giải chạy bộ Running Diamond Cup 2024, giải Marathon quốc tế Techcombank.

Thể thao thành tích cao: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã tổ chức 11 giải thành phố; 09 giải quốc gia, quốc tế; tham dự 70 giải quốc gia và 47 giải quốc tế. Kết quả các đội thể thao Thành phố đã giành được 284 huy chương vàng, 238 huy chương bạc và 273 huy chương đồng; trong đó các giải Quốc gia thi đấu Quốc tế đạt 31 huy chương vàng, 21 huy chương bạc và 15 huy chương đồng.

4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 15/12/2023 đến ngày 14/6/2024)

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Trong 6 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã xảy ra 808 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 1,0% so với cùng kỳ; làm chết 223 người, giảm 36,0%; bị thương 539 người, tăng 18,0%. Không xảy ra vụ tai nạn giao thông đường sắt và đường thủy nội địa.

Về tình hình cháy nổ: Trong 6 tháng đầu năm 2024, xảy ra 267 vụ cháy, giảm 1,1% so với cùng kỳ; làm chết 10 người, bị thương 11 người; trị giá tài sản thiệt hại khoảng 8,4 tỷ đồng. Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện. Trên địa bàn không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế: Trong 6 tháng đầu năm 2024, trên địa bàn Thành phố đã phát hiện và xử lý 844 vụ, 914 đối tượng có dấu hiệu vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu. Đã khởi tố 177 vụ, 315 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 544 vụ, 463 cá nhân, 91 tổ chức với tổng số tiền phạt hơn 12 tỷ đồng. Các vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, đặc biệt đã phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế gây bất ổn thị trường.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy: Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã phát hiện, xử lý 1.621 vụ, 4.131 đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về ma túy; khởi tố 1.370 vụ, 2.593 bị can, xử lý hành chính 220 vụ, 1.458 đối tượng; thu giữ 764,91 kg ma túy các loại; 500ml dung dịch có chứa ma túy; 57,15 kg chất chưa xác định; 01 quả pháo tự chế; 01 lựu đạn tự chế; 24 khẩu súng và 131 viên đạn cùng một số công cụ, phương tiện phục vụ hoạt động phạm tội khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội: Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã xảy ra và xử lý 2.719 vụ về trật tự xã hội, giảm 2,4% so với cùng kỳ; bắt 3.309 đối tượng; 40 người chết, 215 người bị thương, tài sản thiệt hại khoảng 832,5 tỷ đồng. Đã khám phá 1.860/2.719 vụ (đạt 68,4%).

5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 28.000 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 6 tháng đầu năm 2024 là 166.135 lượt người, đạt 55,4% kế hoạch năm.

Trong tháng có 12.000 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới trong 6 tháng đầu năm 2024 là 74.004, đạt 52,9% kế hoạch năm.

Tính từ đầu năm đến nay, tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài là 4.137 người, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp (Tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/5/2024): Thành phố đã tiếp nhận 59.964 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và đã ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 55.601 người lao động đủ điều kiện.

6. An sinh xã hội

Về tình hình cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế: Tính từ đầu năm đến nay, Thành phố đã cấp 849.125 thẻ bảo hiểm miễn phí, tăng 0,54% so với cùng kỳ, trong

đó: Cấp 101.678 thẻ cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo; 35.563 thẻ cho đối tượng người có công; 132.915 thẻ cho các đối tượng bảo trợ xã hội; 578.969 thẻ cho đối tượng trẻ em dưới 6 tuổi.

Công tác giảm nghèo bền vững: Dự kiến đến 30/6, Thành phố có 21.531 hộ nghèo và hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn Thành phố, trong đó có 7.208 hộ nghèo, chiếm 0,28% số hộ Thành phố và 14.323 hộ cận nghèo, chiếm 0,57%.

Tổ chức hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, giải quyết việc làm, trợ giúp trực tiếp chăm lo hộ nghèo và thực hiện chính sách ưu đãi xã hội. Tính từ đầu năm đến nay, đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 97,6 tỷ đồng; hỗ trợ hỏa táng 29 trường hợp với số tiền 54,5 triệu đồng; trợ cấp cho 295 hộ nghèo diện khó khăn với số tiền 681,4 triệu đồng; chi trả tiền điện cho 4.326 hộ nghèo với số tiền 653,3 triệu đồng; hỗ trợ xây, sửa chữa 20 căn nhà với 931,2 triệu đồng...

Bảo trợ xã hội: Thành phố quản lý 16 cơ sở bảo trợ xã hội công lập, 01 cơ sở giáo dục (trường Hermann Gmeiner) và 01 cơ sở đào tạo nghề (Trung tâm Bảo trợ dạy nghề và tạo việc làm Thành phố); tiếp nhận, quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng 6.361 người; 63 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập (có quyết định thành lập của cấp Thành phố và quận huyện) hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng 2.566 người. Thành phố đã thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP số tiền gần 83,2 tỷ đồng/tháng cho 132.915 người; thực hiện trợ cấp xã hội khẩn cấp gần 1,1 tỷ đồng cho 58 người tại 22 quận, huyện và thành phố Thủ Đức; thực hiện theo Quyết định số 812/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố về quy chế phối hợp thực hiện công tác tập trung trẻ em, người lang thang và đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, đã tiếp nhận 800 trẻ em, người lang thang.

Thành phố thực hiện cấp mã định danh và căn cước công dân cho diện nhân khẩu đặc biệt tại các cơ sở trợ giúp xã hội và cộng đồng. Tính đến ngày 12/5/2024, đã thực hiện cấp mã định danh và căn cước công dân cho 3.020/5.760 người, đạt tỷ lệ 52,4% tại các Trung tâm bảo trợ xã hội công lập; cấp mã định danh cho 137.338 người hưởng trợ giúp xã hội tại cộng đồng; cấp mã định danh căn cước công dân cho 1.352/1.467 người, đạt tỷ lệ 92,2% tại các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

Thực hiện chính sách với người có công: Thành phố có 35.563 người có công và thân nhân người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng với kinh phí chi trả gần 75,4 tỷ đồng/tháng.

Khái quát lại, kinh tế toàn cầu đang ổn định sau nhiều năm chịu những cú sốc, lạm phát chung đã giảm ở hầu hết các nền kinh tế (dù mức độ diễn ra chậm và không đồng đều ở các quốc gia), áp lực chuỗi cung ứng tiếp tục giảm, việc gia tăng xung đột vũ trang và rủi ro địa chính trị sẽ làm giảm triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong thời gian tới.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu có những diễn biến phức tạp, thuận lợi và khó khăn đan xen, kinh tế Thành phố ghi nhận những dấu hiệu hồi phục tích cực khi GRDP 6 tháng tăng 6,46% so với cùng kỳ; chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tăng 5,6% (cao nhất trong 3 năm gần đây); tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng 10,0%; tổng thu ngân sách tăng khá 18% (trong đó thu nội địa tăng mạnh 29% và tăng đều ở cả 03 khu vực: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI và khu vực ngoài nhà nước).

Để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, trong 6 tháng cuối năm cần nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 với tinh thần "không cầu toàn, không nóng vội", "không bàn lùi, chỉ bàn làm", cụ thể như sau:

Một là, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách để nhanh chóng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, giải phóng nguồn lực cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục kiến nghị các Bộ, ngành giải quyết những vấn đề mâu thuẫn, chồng chéo, vướng mắc, bất cập trong khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15. Chuẩn bị nhanh nhất các nguồn lực để triển khai thực thi các bộ Luật ngay khi Quốc hội thông qua, như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng

Hai là, tập trung thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, xác định đây là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Thành phố. Đẩy nhanh triển khai các dự án trọng điểm, đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn cả năm đạt trên 95% theo như cam kết và kế hoạch đã đề ra.

Ba là, thực hiện đồng bộ nhóm các giải pháp kích cầu tiêu dùng nội địa; tăng cường kết nối giao thương giữa các địa phương, giữa người tiêu dùng với doanh nghiệp; tiếp tục duy trì hiệu quả chương trình bình ổn giá.

Bốn là, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế trong lĩnh vực kinh doanh trên nền tảng số, bảo đảm an ninh tiền tệ.

Năm là, chú trọng các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, triển khai kịp thời cải cách chính sách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, ưu đãi người có công; tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024, chú ý kiểm soát giá các loại sách giáo khoa, đồ dùng học tập trong năm học mới.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2024.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng